

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HS-ST

Ngày: 22-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Kim Phương

Ông Trần Đại Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Tuấn là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 115/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 108/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021; Các Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/TB-TA ngày 14 tháng 7 năm 2021, số 07/TB-TA ngày 02 tháng 8 năm 2021 và số 09/TB-TA ngày 23 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn T (tên gọi khác: Q), sinh năm 1983, tại Bình Thuận; nơi cư trú: Số 236, tổ 6, ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M (1947) và bà Nguyễn Thị Thanh V (Chết); bị cáo là con thứ hai trong gia đình có ba chị em; có vợ Bùi Thị Cẩm T1 (1987) và hai người con; con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Ngày 20/01/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xử phạt số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) về tội “Tổ chức đánh bạc”, theo Bản án số 04/2020/HS-ST (chấp hành xong ngày 06/4/2021, chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 30/8/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 (Bốn) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số 209/2002/HS-PT (Lệnh trả tự do ngày 30/8/2002); Ngày 06/02/2018, bị Công an xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xử phạt số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) về hành vi “Đánh bạc”, theo Quyết định số 01/QĐ-XPVPHC (chấp hành xong ngày 13/02/2018); bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/3/2021 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất đến ngày 29/4/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” cho đến nay.

(Có mặt)

- *Người làm chứng:*

- | | | |
|---|---------------|------------|
| 1. Ông Nguyễn Thành T2 | sinh năm 1963 | |
| Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Vắng mặt) |
| 2. Chị Nguyễn Thị Thu Tr | sinh năm 1987 | |
| Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Vắng mặt) |
| 3. Anh Lê Minh T3 | sinh năm 1992 | |
| Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. | | (Vắng mặt) |

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 55 phút ngày 06/02/2021, tại nhà của Lê Văn T thuộc Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, Công an huyện Thống Nhất bắt quả tang Lê Văn T (là đối tượng có một tiền án về tội “Tổ chức đánh bạc”, chưa được xóa án tích), Lê Minh T3, Nguyễn Thị Thu Tr và Nguyễn Thành T2 đang cùng nhau đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Tiến lên”, thu giữ tang vật gồm: Một bộ bài tây loại 52 lá hiệu Double K, một tấm vải màu xanh và số tiền 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng), cụ thể: số tiền của T là 400.000 đồng, số tiền của T3 là 900.000 đồng, số tiền của Tr là 540.000 đồng và số tiền của T2 là 770.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được: Bốn con bạc ngồi trong sòng sử dụng một bộ bài tây 52 lá, mỗi lá bài gồm có phần số và phần chất. Về phần số, độ lớn các lá bài được sắp xếp từ nhỏ đến lớn theo thứ tự 3,4,5,6,7,8,9,10, J (Bò), Q (Đám), K (Già), A (Át gọi là xì), 2 (Hai hay còn gọi là heo). Về chất, độ lớn các lá bài được sắp xếp từ nhỏ đến lớn theo thứ tự “bích, chuồn, rô, cơ”; trong đó lá bài 3 bích là nhỏ nhất, lá bài 2 cơ là lớn nhất. Các thuật ngữ về xếp bài: Đôi là hai lá bài cùng số; Sảnh là ba lá bài liên tiếp về số trở lên (không phân biệt chất); Đôi thông là ba đôi trở lên liên tiếp nhau; Tứ quý là bốn lá bài cùng giá trị; Thối là khi ba người chơi hết bài, người còn lại giữ lá bài 2, tứ quý hoặc đôi thông; Cống (cháy) là khi có một người đánh hết bài nhưng người này chưa ra được lá bài nào; bốn người mỗi người được chia 13 lá bài, người nào có lá bài 3 bích được đánh trước và bắt buộc phải đánh lá bài 3 bích, lượt chơi được tiến hành theo chiều ngược kim đồng hồ (theo chiều tay phải). Từ ván tiếp theo ai thắng nhất thì được chia bài và đánh trước, người đánh trước thực hiện việc ra bài tùy ý (rác, đôi, ba con, sảnh), người tiếp theo bên phải được quyền đề bài, bài người ra sau phải cùng kiểu kết hợp (rác, đôi, ba con, sảnh) và lớn hơn bài người trước. Nếu người chơi kế tiếp bỏ lượt chơi ở vòng trước thì vòng tiếp theo của lượt hiện tại thì người này không được ra bài, người này chỉ được ra bài khi bắt đầu lượt mới. Khi không còn ai đề bài thì lượt chơi kết thúc, người đánh cuối cùng có thể ra bài tùy ý để bắt đầu lượt mới. Ván bài kết thúc khi có ba người đã hết bài trên tay; tới trắng là khi người chơi có sáu đôi thông, năm đôi thông, tứ quý 2 hoặc sảnh từ 3 đến A. Mức độ thắng thua được xác định như sau: người về thứ 4 chung cho người về thứ 1 số tiền 20.000 đồng, người về thứ 3 chung cho người về thứ 2 số tiền 10.000 đồng.

Số tiền T, T3, Tr và T2 dùng để đánh bạc; kết quả thắng, thua cụ thể như sau: Tiến dùng số tiền 1.200.000 đồng để đánh bạc, thua bạc số tiền 800.000 đồng; T3 dùng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc số tiền 400.000 đồng; Tr dùng số tiền 500.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc số tiền 40.000 đồng và T2 dùng số tiền 410.000 đồng để đánh bạc, thắng bạc số tiền 360.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền T, T3, Tr và T2 dùng để đánh bạc là 2.610.000 đồng (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 64/CT.VKS-TN ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T từ 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng đến 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ và phạt bổ sung số tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo T và những người tham gia tố tụng trong vụ án khai nhận như Cáo trạng đã mô tả, không tham gia tranh luận chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Người làm chứng - ông Nguyễn Thành T2, chị Nguyễn Thị Thu Tr và anh Lê Minh T3 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp nhưng tại phiên tòa đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 00 đến 13 giờ 55 phút ngày 06/02/2021, tại nhà của Lê Văn T (là đối tượng có 01 tiền án về tội “Tổ chức đánh bạc” quy định tại Điều 322 Bộ luật Hình sự, chưa được xóa án tích) thuộc Ấp N, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, T chuẩn bị một bộ bài tây loại 52 lá và một tấm vải màu xanh để cùng Lê Minh T3, Nguyễn Thị Thu Tr, Nguyễn Thành T2 đánh bạc trái phép với nhau được thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài “Tiền lên” với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng). Như vậy, hành vi của bị cáo T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” với tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự: “1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... dưới 5.000.000 đồng nhưng ... đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Do đó, Cáo trạng số 64/CT.VKS-TN ngày 02/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của bị cáo*: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, là hình thức tước đoạt tài sản của nhau, vì vậy Nhà nước nghiêm cấm đánh bạc trái phép. Tuy nhiên, vì hám lợi bị cáo đã cùng một số đối tượng khác đánh bạc nhằm thu lợi ích vật chất mà không phải lao động chân chính. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng không tốt đến nếp sống văn minh, cũng như tác động xấu đến đời sống gia đình, cộng đồng. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo*:

Bị cáo một tiền án về tội “Tổ chức đánh bạc” đã được áp dụng là tình tiết định tội nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, do đó bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (tổng số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 2.610.000 đồng); bản thân bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật bị hạn chế; hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương nên xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] *Về quyết định hình phạt*: Căn cứ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy, mặc dù bị cáo có nhân thân không tốt nhưng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự. Hiện bị cáo có nơi cư trú ổn định và là lao động chính trong gia đình (nuôi cha già yếu và hai con nhỏ) có xác nhận của chính quyền địa phương. Mặt khác, sau khi phạm tội bị cáo đã bị tạm giam hơn một tháng cũng đủ để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình nên không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhưng vẫn đảm bảo được mục đích, tính chất của hình phạt.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là cần thiết nhằm răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] *Về vật chứng vụ án*:

- Số tiền 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng) thu giữ trên chiếu bạc và trên người các con bạc là tiền các đối tượng dùng để đánh bạc cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước;

- Một bộ bài tây 52 lá và một tấm vải màu xanh là công cụ dùng để đánh bạc, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy.

[8] *Về các vấn đề khác*: Đối với Lê Minh T3, Nguyễn Thị Thu Tr và Nguyễn Thành T2 chưa có tiền án, tiền sự về tội “Đánh bạc” hay tội “Tổ chức đánh bạc”; số tiền các đối tượng dùng để đánh bạc thấp (dưới 5.000.000 đồng) chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã ra quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định pháp luật.

[9] *Về án phí*: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[11] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ và phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 35; Điều 36; Điều 46; Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106; Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T (tên gọi khác: Q) phạm tội: “Đánh bạc”.

[1.1] Hình phạt chính: **Xử phạt** bị cáo Lê Văn T 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ. Được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 30/3/2021 đến ngày 29/4/2021 là 31 ngày x 3 = 93 ngày. Thời gian còn phải chấp hành là 20 (Hai mươi) tháng 27 (Hai mươi bảy) ngày.

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nhận được bản án và quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo Lê Văn T.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[1.2] Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Lê Văn T số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

2. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu và tiêu hủy một bộ bài tây 52 lá và một tấm vải màu xanh (*Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản đề ngày 07/6/2021 giữa Công an huyện Thống Nhất và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất*).

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.610.000đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0002432 ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang